

Bản án số: **193/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-9-2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đích

2. Bà Dương Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân **Khu vực 2 - Đà Nẵng.**

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh A**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ thường trú: Khu phố F, T, T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Thị Mỹ H** - Công ty L - Chi nhánh Đ1. (*Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. Bị đơn: Ông **Lê Quang Đ**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số C Đ, tổ B T, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là phường S, thành phố Đà Nẵng. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 6 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Quang Đ kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 250/2022 ngày 22 tháng 9 năm 2022, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn

tự nguyện. Sau khi kết hôn bà làm việc tại tỉnh Kon Tum, ông Đ làm việc tại thành phố Đà Nẵng, vì khoảng cách địa lý nên hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống, mọi vấn đề xảy ra đều rất khó để có thể giải quyết êm đềm, ổn thỏa. Điều này khiến tình cảm phai nhạt, những hiểu lầm và mâu thuẫn không thể giải quyết, hiện tại vợ chồng đã ly thân, bà sống tại thành phố Hồ Chí Minh, còn ông Đ sống tại thành phố Đà Nẵng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung, không có nợ chung.

* *Đối với bị đơn ông Lê Quang Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà cho ông Lê Quang Đ nhưng ông Lê Quang Đ cố tình vắng mặt không đến toà làm việc mà không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh A nên không có bản tự khai cũng như không thể tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải được, không có lời trình bày tại phiên toà hôm nay.

* *Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tại phiên toà:*

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- ***Về nội dung vụ án:***

+ Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh A, xử cho bà Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với ông Lê Quang Đ.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A xác định vợ chồng không có.

+ Bà Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn ông Lê Quang Đ có địa chỉ nơi cư trú tại số C Đ, tổ B T, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là phường S, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh A có đơn xin xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Quang Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét xử vắng mặt bà A, bà H, ông Đ.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Quỳnh A và ông Lê Quang Đ được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 250/2022 ngày 22 tháng 9 năm 2022. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh A khai rằng: Bà không còn tình cảm, không còn thương yêu gì đối với ông Lê Quang Đ vì tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai, thực tế vợ chồng đã sống ly thân, bà sống ở thành phố Hồ Chí Minh, còn ông Đ ở thành phố Đà Nẵng. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Đối với bị đơn ông Lê Quang Đ đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ của Tòa án nhưng ông không đến Toà để hoà giải đoàn tụ. Điều này chứng tỏ ông không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 28 tháng 7 năm 2025 đã được chính quyền địa phương xác nhận có nội dung: “ ... Ông Lê Quang Đ và bà Nguyễn Thị Quỳnh A có đăng ký kết hôn vào năm 2022, sau khi kết hôn thì vợ chồng phân ai nấy sống, bà Quỳnh A đã chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, mâu thuẫn của hai vợ chồng thì địa phương không rõ , về con chung, tài sản chung, nợ chung địa phương cũng không nắm thông tin...”

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà A

và ông Đ không đạt được mục đích này. Mâu thuẫn giữa bà A và ông Đ đã đến mức trầm trọng, thực tế bà A và ông Đ đã không chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn làm cho cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 56 luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A, xử cho bà A được ly hôn với ông Đ là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà A xác nhận vợ chồng bà không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác nhận vợ chồng bà không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh A. Xử cho bà Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn ông Lê Quang Đ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A xác định không có. HĐXX xét thấy đề nghị Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh A đối với ông Lê Quang Đ về việc: *“Tranh chấp ly hôn”*

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với ông Lê Quang Đ. *Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với ông Lê Quang Đ nên Giấy chứng nhận kết hôn số 250/2022 do UBND phường T, quận T, thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022 không còn giá trị pháp lý.*

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A xác nhận không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A xác nhận không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008123 ngày 23/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- Viện KSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA